

# NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA KINH SỐ

## QUYỂN HẠ

### PHẦN 1

#### PHẨM THỨ NĂM: HỘ QUỐC

Giải thích: Đoạn văn lớn thứ hai gồm ba phẩm sau, nói về ngoại Hộ: (Hộ trì bên ngoài) Phẩm Hộ quốc nói về ngoại hộ, phẩm Bất Tư Nghị nói về đức thù thắng, phẩm Phụng Trì nói về Người phụng trì dứt trừ các tai nạn. Trước nói ngoại hộ, các Vua thành tâm, bày pháp khiến tuân, hiện lực khó lường, nương giữ đủ đức, trong sáng ngoài trong, do vậy mà có ba phẩm sau này.

Nói về ý tiếp nối: Theo Bản ký nói: Quốc độ có hai. Một là Thế gian: Cõi nước của Nhị thừa, phàm phu. Hai là xuất thế gian: cõi nước từ Tín cho đến Địa thứ mười. Giặc có hai loại: 1. Giặc cướp ở bên ngoài;

1. Giặc phiền não ở bên trong. Hộ có hai loại: 1. Quỷ thần; 2. Trí Tuệ. Trong và Ngoại đều là Phật, Bồ-tát hộ. Đã nói về Nội Hộ, nay nói về Ngoại Hộ, để thỏa mãn nguyện vọng của các vị vua nên có phẩm này. Giải thích về tên phẩm: Phần trên đã giải thích tên chung, còn đây là hiệu riêng: Ân tuệ gọi là Nhân, tự tại gọi là vương. Che chở gọi là Hộ. Lãnh thổ gọi là quốc, đã giải thích đầy đủ ở phần trên.

Nghĩa của Hộ lược dùng bốn môn để nêu rõ.

1. *Người là chủ thể Hộ*: Chư Phật, Bồ-tát xem chúng sinh như con, như tình thương của người mẹ. Kinh Duy-ma nói: Như Bồ-tát nghĩa là không lìa bỏ đại từ, không xả bỏ đại Bi, phát tâm Nhất-thiết-trí sâu xa cầu không hề quên sót, giáo hóa chúng sanh không bao giờ mệt chán. Lại nữa, chư Bồ-tát hiện nhiều loại thân, tùy niệm mà ứng. Như Bồ-tát Quán âm... tức là Hộ. Lại nữa, chư vương dùng nhân tuệ từ bi nuôi dưỡng muôn dân làm tâm, trăm quan đại thần phụng thừa pháp cũng là

hộ. Hỏi: Nếu vậy thì tự Hộ, cần gì kinh này nói. Đáp: Thế gian và xuất thế gian, khác nhau là ở chỗ đó.

2. *Pháp là sở hộ*: Không có pháp nào hơn Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Tín thọ đọc tụng, y giáo tu hành, thiên, long ngậm hộ vệ, còn đắc được thành Phật hưởng hồ là bả nạn, chẳng thể diệt trừ được sao”? Như vương pháp, là đạo thuộc văn và võ, có quyền thưởng phạt, tiến thiện diệt ác. Đây là gốc của việc hóa độ.

Cho nên kinh Kim Quang Minh, quyển thứ tám, kệ viết:

*Quốc nhân tạo nghiệp ác  
Vua bỏ không cấm chế  
Ấy chẳng thuận chánh lý  
Trị đui phải như pháp.  
Nếu thấy ác không ngăn  
Phi pháp liền tăng trưởng  
Bèn khiến trong vương quốc  
Gian trá ngày càng tăng  
Bị nước địch xâm chiếm  
Phá hoại quốc độ đó.*

Do nhờ chánh lệnh của quốc gia, cũng là Hộ pháp.

3. *Tâm của chủ thể Hộ*: Vô duyên, từ của Phật và bi của Bồ-tát, ứng với niệm như tiếng và vang, không nói ra mà vẫn biết tức là tâm Hộ. Nếu các vua, quan, thường dùng chánh trực, không tham sân si, y văn phụng pháp, cũng là tâm Hộ, nên Luận Chánh lý nói: Do người thời đó tham lam, không bình đẳng, thiên long giận trách, không giáng mưa ngọt, nên bị đói kém. Lại người thời đó, không tâm bình đẳng, phi nhân tạo độc, bệnh dịch khó cứu. Lại người thời đó, không bình đẳng, tham, sân độc tăng thượng, nên có chiến tranh, tàn hại lẫn nhau. Do tham sân si, tích chứa bên trong, ba tai họa bả diệu, (sao) tai biến ở ngoài. Nội tâm bất bình, muốn cầu ngoại hộ, nước sôi muốn đông thành băng thật khó lắm thay! Không tham sân si, theo hóa như dòng chảy, đó chính là ý nghĩa ngoại hộ ở trong kinh này.

4. *Sự của sở hộ*: Trang hoàng đạo tràng, nghe thọ, trì đọc, hiếu dưỡng cung kính, vua quan chánh trị... phần sau nói đủ, đến văn sẽ rõ.

Giải thích văn kinh: Văn chia làm ba đoạn: 1. Chính nói hộ quốc; 2. Dẫn việc hộ quốc xưa; 3. Nghe pháp được ích.

Phần nói về hộ quốc, văn có hai:

- Nói pháp hộ quốc.
- Nói trừ tai nạn.

Phần một chia ba:

- Nói pháp hộ quốc.
- Trang hoàng đạo tràng.
- Nói về nói nghe.

Phần nêu pháp hộ quốc vẫn lại chia ba: 1. Nói về hộ quốc. Nghĩa đó là gì?

**Kinh:** Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Vua Ba-tư-nặc...:” Các Đại Quốc vương! Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Ta vì các ông thuyết giảng về pháp hộ quốc.

Giải thích: Đáp điều nguyện trước. Nếu không lắng nghe, nghe rồi quên mất, nên bảo nghe kỹ. Dưới đây là phần hai - Nói về thời Hộ quốc. Nghĩa đó là sao?

**Kinh:** Tất cả cõi nước, nếu khi sắp loạn, có các tai nạn, giặc đến phá hoại.

Giải thích: “Tất cả cõi nước”: là mười sáu nước, đối với các vua mà nói “tất cả”. Lại không chỉ vậy, các nước lớn nhỏ ở châu thiệm Bộ tùy theo tiếp nhận giáo đủ khắp tức là “tất cả”.

Nêu giáo pháp đủ khắp nên nói là “tất cả”, thì người ba châu, giáo pháp cũng có đến nơi tức cũng gọi là “tất cả”. Thiên cung, long cung, giáo pháp cũng có đến cũng gọi là tất cả. Như thế không mất tâm từ vô hạn, các nơi kia cùng nghe các giáo ắt đủ khắp, hoặc là hiện nay, hoặc là sau này, chỗ giáo pháp hiện đủ khắp đều là tất cả. Nếu không phải vậy, nước lớn Đại Đường chẳng lẽ không hộ?.

“Nếu khi sắp loạn”: là nêu về thời gian hộ. Cảnh nước thanh bình là được thường hộ. Nếu có tai nạn là nêu lúc cầu hộ.

“Có các tai nạn”: Tai là tam tai. Như trên đã dẫn luận Chánh lý nói; Tai họa chiến tranh, dịch bệnh đói khát. Nạn là bảy nạn, đoạn sau sẽ rõ.

“Giặc đến phá hoại”: là tướng của nạn.

Tiếp theo là phần ba, nói về thọ trì kinh. Nghĩa đó là gì?

**Kinh:** Chư vương các ông, phải nên thọ trì đọc tụng Bát-nhã Ba-la-mật-đa này.

Giải thích: Bảo các vị vua, chính mình thọ trì hoặc đọc hoặc tụng, là thực hành ba pháp. Nếu thường trì tụng, nạn sẽ không sinh. Nếu có nạn sinh, khuyên bảo trì đọc. Như kinh Niết-bàn quyển hai mươi nói: tâm của cha mẹ, chẳng phải là không bình đẳng, nhưng đối với con bị bệnh, tâm tức lo nhiều. Do đó, khuyên thọ trì kinh để trừ nạn.

Tiếp đến là phần hai: Trang nghiêm đạo tràng vẫn chia ba: 1.

Trang nghiêm đạo tràng.

**Kinh:** Trang nghiêm đạo tràng, đặt trăm tượng Phật, trăm tượng Bồ-tát, trăm tòa Sư tử, mời trăm pháp sư, giải nói kinh này.

Giải thích: Câu đầu là nêu chung, các câu tiếp theo như văn đã rõ khiến trong kinh này, hơi giống các lời ở kinh khác. Như kinh Kim Quang Minh, quyển sáu, phẩm Hộ quốc nói: “Lúc ấy, Tứ thiên vương bạch Phật: Thế Tôn! Ở đời vị lai, nếu có vua người vì hộ tự thân, hậu phi, vương tử, ở quốc độ mình khiến không có các sự việc oán địch, ưu não, tai ách. Bạch đức Thế Tôn! Vua người như vậy không nên phóng dật, khiến tâm tán loạn, trước phải tạo sự trang nghiêm đẹp đẽ nơi các cung thất chỗ vua yêu trọng. Những chốn ra vào nước thơm rải đất, rải những danh hoa, đặt pháp tòa Sư tử thù thắng, dùng các thứ châu báu để trang hoàng. Cho đến đoạn sau: Khi ấy vua người, phải mặc áo sạch, thuần khiết, và trang sức bằng những loại anh lạc, tự mang lọng trắng... dùng hương hoa đủ cả sự cung kính, tạo sự an lành.

Với những điều trên, so với ở đây là đủ nghĩa.

Tiếp sau là phần hai - Hương hoa cúng dường.

**Kinh:** Ở trước các tòa thấp nhiều loại đèn, đốt những loại hương, rải các tạp hoa, cúng dường rộng lớn.

Giải thích: Trước mỗi một tòa, trang sức đầy đủ. Tiếp đến là phần ba - Một trăm lễ một sự cúng dường.

**Kinh:** Y phục, thức ăn uống, đồ nằm thuốc thang, phòng xá, giường ghế, tất cả vật dụng cúng dường.

Giải thích: Mỗi một sự cúng dường là biểu thị cho sự kính trọng. Sau đây là phần ba - Nói về việc nói nghe. Văn chia làm ba phần: 1. Hai thời giải thuyết.

**Kinh:** Mỗi ngày hai thời, giảng đọc kinh này.

Giải thích: Như văn đã rõ. Dưới đây là phần hai - Vua tôi nghe nhận.

**Kinh:** Nếu vương, đại thần, Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nghe nhận đọc tụng.

Giải thích: Quốc vương, đại thần, trên hành dưới hóa, bốn chúng nghe nhận, thấy đều thành thiện, tức là tự hộ. Kinh Kim Quang Minh lại nói: Bấy giờ vua đó, phải tắm sạch sẽ, dùng hương xoa thân, mặc áo sạch mới, ngồi ghế nhỏ thấp, không sinh cao ngạo, xả ngôi tự tại, lìa những kiêu mạn, đoạn tâm chánh niệm, nghe Kinh vương này.

Những điều đó so với kinh này, đều là nói về sự kính trọng. Tiếp theo là phần ba: Như thuyết tu hành.

**Kinh:** Như pháp tu hành, tai nạn liền diệt.

Giải thích: “Như pháp tu hành”: Nương theo lý và sự trên, phải thực hành như lời đã dạy, uống thuốc thì bệnh lành, lý ắt phải vậy. Đến đây tức sự mà kể chuyện: Tháng Tư năm ngoái, nội dịch kinh xong, tôi sau hết lòng nơi đạo, trì đọc nghe văn, kịp đến tháng chín, bày trăm tòa đề xuất giảng kinh, mưa thu tạnh ráo, mây kéo đầy trời, từ giờ mao đến giờ thân, bỗng nhiên vạn biến, có vị đáng đáp như Tướng quốc cùng với trăm quan, lính ngựa tràn cả thành ngoài, chen lấn nhìn xem, có người thì lễ bái, có người thì nhảy nhót vui mừng, nước mắt như mưa. Ngày mừng hai tháng đó, Vua ơn ban sắc: “Sư đã lâu vun trồng mầm trí, cao treo gương tâm, khai tạng mật của pháp vương, diễn lời huyền của kim khẩu. Ba đời lưu truyền, bốn loài mong nhờ, mà đạo thì hợp với chơn Thánh, lý thì khế với trời, người, mưa dầm lại tạnh, mây lành đầy sắc, lực của cảm thông, trong triều ngoài nội cùng vui, lời vụng tuyên dương, để tăng thành kính.”

Hạ tuần tháng đó, Tây Nhung, Bắc Địch đem quân vây thành, không cần xuất quân chống cự, giặc tự sợ hãi mà tan rã. Nếu chẳng phải minh chúa chí tín, đại thần tận tiết, trên hành dưới hóa, sấm động mây hành, đạo tục tinh thành, thì ai có thể hưng lên ở đây, pháp thiện rõ ràng, chẳng hề hư dối!

Từ đây là phần hai - Trừ tai nạn. Trong đó chia làm hai: 1. Trừ tai nạn; 2. Xứng với mong cầu.

Trong phần một văn chia làm hai:

- Các tai nạn.
- Tai nạn diệt.

Trong phần nêu các tai nạn văn lại chia làm ba:

- Quỷ thần hộ.
- Nói về chết chóc.
- Liệt kê các tai nạn.

Đây là phần một - Quỷ thần hộ.

**Kinh:** Đại vương! Trong các cõi nước, các vô lượng quỷ thần, mỗi mỗi quỷ thần lại có vô lượng quyến thuộc. Nếu họ nghe kinh này thì sẽ hộ vệ quốc độ của ông.

Giải thích: Vô lượng quỷ thần ở trong các nước, mỗi vị đều có quyến thuộc nghe kinh mà hộ quốc. Như kinh Kim Quang Minh quyển tám nói: Đại tướng Dực xoa tăng thiện nhĩ đa cùng với hai mươi tám Bộ chư thần Dực xoa bạch: Thế Tôn! Nếu đời hiện tại và đời vị lai, những chỗ đang được tuyên dương lưu bố, như ở thành ấp, xóm làng

đầm rừng rú, hoặc cung điện vua, hoặc chỗ ở của Tăng, chúng con và chư thần đều đến chỗ đó, mỗi tự ẩn hình, tùy xứ ủng hộ Sư thuyết pháp kia, khiến lìa suy não, thường nhận an lạc... ngôn từ nói xong, đầy đủ trang nghiêm, còn khiến tinh khí theo lỗ chân lông nhập vào. Thân lực sung túc, uy quang mạnh mẽ, trí sáng khó lường, đều được thành tựu và người nghe pháp là nam hay nữ, thọ trì cúng dường, chúng con sẽ thấu nhận khiến không bị tai nạn. Cho đến thường gặp chư Phật, mau chóng đạt đạo quả chánh đẳng Bồ-đề vô thượng.

Sau đây là phần hai: Nói về chết chóc. Trong đó có hai phần: 1. Nói về chết chóc.

**Kinh:** Nếu đất nước sắp loạn, quỷ thần loạn trước, vì quỷ thần loạn thì vạn người loạn, thường có giặc giã nổi lên trăm họ chết chóc.

Giải thích: Do quỷ thần loạn, tiếp theo mới vạn người loạn, trăm họ chết chóc.

Tiếp theo là phần hai - Vua tôi tranh chấp.

**Kinh:** Quốc vương, Thái tử, vương tử, trăm quan, thị phi với nhau.

Giải thích: Trên bất hòa. Tiếp đến là phần ba - Các tai nạn.

**Kinh:** Trời đất biến quái. Mặt trời, mặt trăng, các sao mất thời, mất sáng, lửa lớn, nước lớn, gió to...

Giải thích: “Trời đất biến quái”: Các hiện tượng trên trời biến đổi, đất có yêu quái, đó là tổ chung.

Nói “Mặt trời, mặt trăng”: Như trong phần sau kinh nói tức là nạn thứ nhất.

“Các sao”: tức là nạn thứ hai.

“Mất thời mất sáng”: Tức là hai nạn trên mất thời, mất độ sáng

“Lửa lớn”: là Nạn thứ ba

“Nước lớn”: là nạn thứ tư

“Gió to”: là nạn thứ năm. Nạn thứ sáu là kháng dương (phần dương thái quá). Nạn thứ bảy là giặc đến, đến đoạn sau sẽ rõ.

Vì sao các Quỷ thần ấy loạn trước, rồi trăm họ chết chóc, vua tôi bất hòa, bảy nạn đều khởi, như phần sau kinh nói: Do tất cả dân chúng của các nước lớn nhỏ ở châu Thiệm Bộ, bất hiếu với cha mẹ, không kính sư trưởng, Sa môn, Bà-la-môn, Quốc vương đại thần không hành chánh pháp, do các ác kia mà có những nạn ấy dấy khởi. Đó là nhân của Nạn, đến phần sau sẽ rõ.

Sau đây là phần hai - Nói về tai nạn diệt.

**Kinh:** Các nạn ấy dấy khởi, đều nên thọ trì, giảng nói Bát-nhã

Ba-la-mật này.

Giải thích: “Các nạn dấy khởi”: Mỗi một nạn khởi, đều cần phải giảng đọc, như thuyết tu hành, tức là lương dược (thuốc hay).

Dưới đây là phần một - Xứng với điều cầu mong.

**Kinh:** Nếu ở kinh này, thọ trì, đọc tụng, tất cả mọi điều mong: quan vị, giàu có, con cái, tuệ giải, đi lại, tùy ý, quả báo nơi cõi người, Trời đều được đầy đủ.

Giải thích: “Tất cả mọi điều mong”: là nêu chung. Trong đó có bảy điều: 1. Cầu quan vị thì được ngôi vị vinh hiển; 2. Cầu giàu có thì được phước lợi; 3. Cầu sinh con trai, con gái thì đều được; 4. Cầu Tuệ giải thì được trí kiến Thế gian và xuất thế gian thù thắng; 5. Đi lại, là cầu vãng lai, đi bộ hay cỡi ngựa đều được an ổn, bình an; 6. Quả báo trong cõi Người; 7. Quả báo trong cõi Trời. Những điều trên đều do oai lực của việc thọ trì đọc tụng kinh nên những điều mong nguyện đều được thỏa mãn. Như kinh Bảo Vân nói: Ví như cây thuốc tên là Thiện kiến, nếu có chúng sanh được gốc thân, cành, lá, hoa, quả của nó, hoặc thấy sắc, ngửi mùi thơm, nếm vị, tiếp chạm, trong mười thứ đó, tùy thứ đạt được, bệnh đều trừ lành. Do đó, ở trong mười pháp thực hành của kinh, tùy theo sự trì đọc, những mong nguyện thuộc thế gian và xuất thế gian đều được thỏa mãn.

Tiếp theo là phần hai - Giải thoát ách nạn.

**Kinh:** Dịch bệnh, ách nạn, liền được trừ yên, gông cùm xiềng xích, trói buộc thân này, đều được giải thoát.

Giải thích: Hai câu trên là nói về ách nạn được trừ, ba câu dưới là nói kẻ bị trói buộc thì được giải thoát.

Tiếp theo là phần ba - Các tội diệt

**Kinh:** Phá bốn giới trọng, tạo năm tội nghịch và hủy các giới cấm, vô lượng lỗi lầm đều được tiêu diệt.

Giải thích: “Phá bốn giới trọng”: là dâm, trộm, giết, vọng ngữ là giới trọng về lịnh.

“Tạo năm tội nghịch”: Như luận Câu Xá, quyển 18 nói: là giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Trong năm tội đó, bốn thuộc về thân, một thuộc về ngữ.

“Và hủy các giới”: Đó là các giới như Tàn...

Giới Biệt giải thoát thì mỗi giới đều có chi nhân. Luật nghi thì có tám. “Thế” thì chỉ có bốn, theo duyên đủ hay thiếu, nghĩa như thường hiểu nhưng thế của chúng là: Hữu Tông thì vô biểu sắc, Thành thật thì bất tương ứng. Nay Tông Đại Thừa thì theo tư nguyện chủng mà giả lập

làm Thế, không tùy tâm giới, bốn tâm ba Tính đều được hiện tiền. Xả duyên khác nhau là: Hữu Tông thì xả năm duyên. Như Luận Câu Xá quyển mười lăm tụng: “Xả Biệt giải điều phục, do cố xả mệnh chung, Và nhị hình cùng sinh, đoạn thiện căn hết đêm.”. Tông Kinh Bộ thì gia thêm phạm trọng. Pháp Mật Tông thì thêm pháp diệt duyên xả khác nhau. Luận Du-già quyển năm mươi ba nói xả có năm duyên: Xả Học xứ phạm căn bản tội, vì nhị hình sinh mà thiện căn đoạn, xả đồng phần, xả Tỳ khưu luật nghi. Nếu chánh pháp hủy hoại, chánh pháp chìm ẩn, tuy không thọ mới nhưng giới cũ không xả, cho nên đặc giới chưa xả. Thân có luật nghi mà gặp duyên hủy phạm, gọi là hủy các giới. Nếu không có duyên sám hối riêng, (biệt sám) chắc chắn bị đọa Địa ngục như đã phân biệt thông thường. Như duyên sám hối, theo Đại thừa giá như kinh tạo tượng thuyết, do tạo kinh tượng, chỉ chịu nghiệp ít ở ba đường ác nhưng mau ra khỏi, mà không chịu khổ. Lại nữa, kinh Quán vô Lượng Thọ nói: Người có năm tội nghịch cũng sinh Tây phương. Lại nữa, kinh Niết-bàn quyển hai mươi nói: Vua A-xà-thế phát tâm Bồ-đề, không vào địa ngục. Chi tiết tán thán rộng về tâm Bồ-đề như kinh đó đã nói. Lại nữa, kinh Đại Phương Đẳng, Đà-la-ni quyển một nói: Nếu phạm hai mươi bốn giới của Bồ-tát, nếu phạm mỗi một giới của Tỳ khưu... nhất tâm sám hối, nếu không sinh trở lại, thì không có việc ấy. Nay ở đây kinh này nói: vô lượng tội lỗi đều được tiêu diệt. Tức do nghe kinh thọ trì đọc tụng, tội đều diệt.

Dưới đây là phần hai - Dẫn chuyện hộ quốc thuở xưa.

Trong đó chia làm hai phần: 1. Dẫn chuyện hộ quốc thời xưa; 2. Kết. Khuyên thọ trì.

Trong phần một: Văn chia làm ba. 1. Chuyện Thiên vương thời xưa; 2. Nhân vương thời xưa; 3. Liệt kê về các vua.

Trong phần Thiên vương, văn lại chia làm ba: 1. Vua Đảnh Sinh.

**Kinh:** Đại vương! Thời quá khứ xa xưa, Thích Đề Hoàn Nhân bị vua Đảnh sinh thống lãnh bốn quân chúng lên cung trời muốn diệt đế Thích.

Giải thích: “Lãnh bốn quân chúng”: là voi, ngựa, xe, bộ binh. Nhân duyên này như đã thuyết trong phẩm Đảnh vương, kinh Hiền Ngu và quyển mười hai của kinh Niết-bàn.

Tiếp theo là phần hai - Đế Thích phụng pháp.

**Kinh:** Bấy giờ, Thiên chủ kia y theo giáo pháp của chư Phật thời quá khứ, bày trăm tòa cao, mời trăm pháp sư, giảng đọc kinh Bát-nhã Ba-la-mật.



Giải thích: Nói về y theo pháp. Tiếp đến là phần ba - Thiên chúng an lạc.

**Kinh:** Vua Đảnh Sinh liền thối lui; Thiên chúng an lạc

Giải thích: Là kết nêu an lạc. Tiếp đến là phần hai. Vua cỡi người thời xưa. Trong đó chia làm ba: 1. Vua Ban Túc; 2. Vua Phổ Minh; 3. Nghe pháp được tỏ ngộ.

Phần một: Vua Ban túc, vẫn chia làm hai: 1. Vua Ban Túc; 2. Được ngàn vua. Vẫn phần một lại chia làm ba: 1. Vua Ban Túc.

**Kinh:** Đại vương! Thời xa xưa, vua nước Thiên La có một Thái tử, tên là Ban Túc.

Giải thích: Tiếng Phạm gọi là Đề Bà La, tiếng Hoa gọi là Thiên La. "Ban Túc": Vì chân có nhiều đốm, nên tên là Ban Túc. Như kinh Hiền Ngu và luận Trí Độ đã kể chuyện đó.

Tiếp sau là phần hai - Tà sư Quán đảnh.

**Kinh:** Khi lên ngôi vua, có ngoại đạo sư tên là Thiện Thí, hành pháp quán đảnh cho vua.

Giải thích: Như văn dễ hiểu. Dưới đây là phần ba - Thọ giáo tế trời.

**Kinh:** Bèn bảo Ban Túc lấy ngàn đầu vua, để tế nơi mộ Thiên Thần Ma Ha Ca La Đại Hắc.

Giải thích: Nói "giữa mộ": là trụ xứ của Thiên thần Đại Hắc, Ma Ha Ca La. Ma Ha: tiếng Hoa dịch là Đại. Ca la là Hắc Thiên, Từ ngữ trước là tiếng Phạm, từ ngữ sau là tiếng Hoa. Thiên Thần Đại Hắc là vị Thần chiến đấu. Nếu lễ bái vị thần đó thì tăng thêm oai đức, do vậy nên cúng tế. Vì sao biết? Trong Tam tạng, dẫn thêm về các sách khác nói; Kinh Khổng Tử Vương nêu rõ: phía Đông đô thành nước Ô Thi ni có một khu rừng tên là Xa-ma-xa-na, tiếng Hoa gọi là Thi Lâm, rừng đó rộng một do tuần, có Thiên Thần Đại Hắc, là thân biến hóa của Ma-hê-thủ-la cùng với vô lượng quyến thuộc của các quỷ thần, thường du hành trong rừng vào ban đêm, có đại thần lực, nhiều đồ quý báu, có thuốc tàng hình, có thuốc sống lâu, du hành bay trên không, trao đổi các thứ thuốc ảo thuật với loài người. Lấy máu thịt người sống, giao ước trước về cân lượng máu để đổi lấy những thứ thuốc. Nếu ai muốn đến lấy thuốc đổi máu thì trước tiên phải dùng Đà-la-ni để gia trì thân mình, sau đó mới đến trao đổi. Nếu không có Đà-la-ni gia trì, những quỷ thần kia sẽ tự tàng hình, trộm quá cân lượng, máu huyết của người đó, càng lấy càng mất nhiều, không đúng với sự giao ước trước, cho đến lúc lấy hết máu của người đó, cân lượng không đúng thì thuốc cũng không lấy

được. Nếu có Đà-la-ni gia trì thì đối được bảo bối và các loại thuốc, làm gì tùy ý đều được thành tựu. Nếu cúng tế cho những thần đó thì dùng máu người, khiến Thần có đại lực gia hộ cho người sự dũng mãnh và các pháp chiến đấu, được thắng. Do đó, Thần Đại Hắc tức chính là thần chiến đấu. Như kinh Hiền Ngu nói là cúng tế La sát. Kinh Phổ Minh Vương nói là lấy trăm vị vua để cúng tế Thọ Thần. Kinh Sư Tử Đoạn Nhục thì nói là để cúng tế Sơn thần.

Sau đây là phần hai. Bắt được ngàn vị vua. Trong đó chia làm hai: 1. Bắt được những vị vua.

**Kinh:** Từ khi lên ngôi vua, đã bắt được chín trăm chín mươi chín vua.

Giải thích: Ban Túc lên ngôi vua, nhờ oai lực hiện có nên bắt được các vị vua gần đủ số ấy. Tiếp đến là phần hai - Bắt được vua Phổ Minh.

**Kinh:** Chỉ thiếu một vua, bèn đi vạ dậm về phương Bắc, bắt được một vua tên là Phổ Minh.

Giải thích: Nói rõ về bắt được vua. Dưới đây là phần hai - Nói về vua Phổ Minh. Trong đó chia làm hai phần: 1. Phần kiến lập bằng văn xuôi; 2. Phần thuyết pháp bằng kệ.

Trong phần văn xuôi lại chia làm bốn: 1. Nguyên của vua Phổ Minh.

**Kinh:** Vua Phổ Minh thưa với Ban Túc: Nguyên được cho phép một ngày để lễ kính Tam bảo, cúng dường cơm nước cho Sa Môn.

Giải thích: Theo kinh Hiền Ngu thì nguyện được cho bảy ngày, lễ kính Tam bảo, cơm nước cho Sa môn. Dưới đây là phần hai - Ban Túc chấp nhận.

**Kinh:** Ban Túc nghe xong, liền chấp nhận.

Giải thích: Ban Túc đồng ý chấp nhận. Sau đây là phần ba - Y pháp kiến lập.

**Kinh:** Vua bèn theo giáo pháp của chư Phật thời quá khứ đã nêu giảng bày trăm tòa cao, mời trăm pháp sư.

Giải thích: Nói về y theo giáo. Sau đây là phần bốn: Thuyết Bát-nhã

**Kinh:** Một ngày hai thời giảng nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa có tám ngàn ức kệ.

Giải thích: Nói về việc tuyên thuyết Bát-nhã. Tiếp theo là phần hai - Dùng kệ thuyết pháp, trong đó chia làm hai: 1. Nói về người thuyết kệ.

**Kinh:** Lúc này, trong chúng kia, pháp sư thứ nhất, vì vua Phổ Minh, thuyết kệ:

Giải thích: Nêu người thuyết. Tiếp theo là phần hai - Kệ được thuyết.

Trong đó chia làm bốn: 1. Pháp là vô thường; 2. Các pháp là khổ; 3. Các pháp là không; 4. Các pháp là vô ngã. Trong phần vô thường lại chia làm hai phần: 1. Ngoại giới vô thường.

**Kinh:**

*Kiếp hỏa cháy dữ  
Đại thiên đều hoại  
Tu di biển lớn  
Tàn diệt không sót.*

Giải thích: “Kiếp hỏa cháy dữ: là Hỏa tai. Luận Du-già quyển hai nói: Ba đại tai là thủy, hỏa, phong, cùng nhau theo thứ tự mà khởi. Trong ba thứ đó, đây là nêu thứ đầu tiên: Hỏa tai.

“Đại thiên đều hoại”: là nói cả một đại thiên cùng bị hủy hoại. Hai câu cuối là: cả chín núi tám biển, mỗi thứ số lên đến cả trăm ức đều bị hủy diệt không còn sót gì cả. Tướng của thành, trụ, hoại, không, theo thứ tự mà khởi. Đây nói về kiếp hoại.

Tiếp đến là phần hai - Hữu tình vô thường.

**Kinh:**

*Phạm thích, thiên, long  
Nhiều loại hữu tình  
Còn bị tàn diệt  
Huống là thân này.*

Giải thích: “Phạm Thích, Thiên, long”: Phạm là Phạm vương, chung cả Tứ Thiên, Thích là đế Thích. Chủ cõi trời Đao-lợi. Đây là bao gồm cả Thiên xứ khác, cả hai cõi đó đều tự tại cho nên nêu lên. Thiên, Long là chúng Bát bộ.

“Các hữu tình”: là cõi còn lại ngoài những cõi đã nói trước.

“Còn bị tàn diệt”: là nói về vô thường.

“Huống nữa thân này”: cõi dù lớn hay nhỏ, tình dù hơn hay kém đều bị tàn diệt, huống nữa là thân này, là nêu bày sự vô thường. Dưới đây là phần hai - Các pháp khổ. Trong đó chia làm hai: Đây là phần một - Liệt kê các khổ.

**Kinh:**

*Sinh lão bệnh tử  
Ưu bi khổ não*

*Oán thân bức bách**Trái với nguyện mong.*

Giải thích: “*Sinh lão bệnh tử*”: đó là bốn khổ.

“*Ưu bi khổ não*”: Là tùy gặp các duyên khổ, nhiều loại ưu buồn ray rức. hai câu sau chữ “*não*” là nói về bốn khổ: Oán là oán ghét nhau mà gặp nhau là khổ. Thân là yêu nhau mà bị xa lìa là khổ. Bức Bách: là năm ấm mãnh liệt khổ. Nghĩa là thân năm uẩn mang tính sinh diệt đời đổi. “*Trái với mong nguyện*”: là khổ vì mong cầu không được. Lại nữa, “*Năm ấm mãnh liệt khổ*” là lưu chuyển khổ, chung cả ba cõi là hành khổ. Oán ghét gặp nhau khổ và yêu nhau xa nhau khổ là trái nghịch khổ, thuộc về Khổ khổ, chỉ là Dục giới cầu không được khổ thuộc về Hoại khổ, cũng chỉ ở Dục giới, dựa theo lạc thọ thì cũng thông cả Sắc giới.

Tiếp theo là phần hai - Nhân quả của khổ.

***Kinh:****Ái dục kết sử**Tự thành ung nhọt**Ba cõi không an**Nước có gì vui.*

Giải thích: “*Ái dục kết sử*”: Đó là nói về Nhân. Ái là Nhân thuộc Hữu, làm Thấm Nhuần các Nghiệp. Dục là tham dục ở cảnh, đuổi theo sự mong cầu.

“*Kết sử*”: Kết là kết buộc, trói buộc. Sử là sai khiến. Nghĩa là... mười thứ kết như tham v.v... kết buộc hữu tình, sai khiến trong Tam hữu, gọi là kết sử.

Lại nữa, Luận Câu xá nói: Kết có chín loại: 1. Ái kết; 2. Sân kết; 3. Mạn kết; 4. Vô minh kết; 5. Kiến kết là Ba kiến; 6. Thủ kết. Là hai thủ; 7. Nghi kết; 8. Tật kết; 9. Xan kết. Ba loại kết: Sân, Tật, Xan duy chỉ thuộc về Dục giới sáu loại còn lại thì thông cả ba cõi. Vì bị sai khiến do kết, cho nên gọi là Kết sử.

“*Tự thành ung nhọt*”: là quả khổ thuộc về ba Hữu như là ung nhọt.

“*Ba cõi không an*”: hoặc là giới hoặc là tình đều là hành khổ, vì bị bức bách do hữu lậu nên gọi là không an.

“*Nước có gì vui*”: Điều vua Phổ Minh coi trọng là yêu nước yêu thân, trong và ngoài đều bất an, là nói về nỗi khổ.

Kế đến là phần ba - Nói về các pháp không. Trong đó chia làm hai phần: Đây là phần một. Tổ chung về pháp không.

**Kinh:**

*Hữu vi không thật  
 Từ nhân duyên khởi  
 Thịnh suy chuyển chớp  
 Tạm có liền không.*

Giải thích: “Hữu vi không thật”: là y tha hữu vi, là huyễn không thật.

“Từ nhân duyên khởi”: là chính cộng tướng tự chủng sinh ra, thế gian trong ngoài, do Nhân duyên khởi.

“Thịnh suy chuyển chớp”: Nghĩa là, pháp hữu vi đều có thịnh suy, khởi và diệt như chảy, không dừng trụ như tia chớp.

“Tạm có liền không”: Tạm thời như tia chớp, có đó liền không.

Tiếp theo là phần hai - Nói về cõi không.

**Kinh:**

*Các cõi thú sinh  
 Tùy nghiệp duyên hiện  
 Như bóng, tiếng vang  
 Tất cả đều không.*

Giải thích: “Các cõi thú sinh”: là ba cõi, sáu nẻo và tứ sinh. Đó là nêu chung.

“Tùy nghiệp duyên hiện”: là nói về nhân quả, theo nghiệp của các cõi mà hiện sinh ở đó.

“Như bóng như tiếng vang”: là nêu dụ nói rõ. Do quả làm chất, hiện nghiệp như bóng. Nghiệp như âm thanh, quả như tiếng vang. Đó là nói lên sự không thật.

“Tất cả đều không”: Nói chung cả các giới, tất cả hữu vi đều là không.

Kế đến là phần bốn - Pháp là vô ngã. Trong đó chia làm hai phần: Đây là phần một, Vọng khởi ngã.

**Kinh:**

*Thức do nghiệp trôi  
 Theo bốn đại khởi  
 Vô minh ái buộc  
 Ngã, ngã sở sinh.*

Giải thích: “Thức do nghiệp trôi”: Thức là Bản Thức, thường chuyển như dòng chảy, do nghiệp như gió, làm khởi lên sóng Thức. Thức thuận theo nghiệp, nên gọi là Nghiệp trôi. Lại nữa, nghiệp chủng nường theo Thức, nhờ hiện duyên mà khởi, hiện khởi các nghiệp, theo

gió cảnh giới, động sóng Bản thức. Kinh Lăng già bản bốn quyển, quyển một kệ nói:

*Thí như sóng biển lớn  
Là do gió lớn khởi  
Sóng lớn vô ghềnh sâu  
Chẳng có lúc đoạn dứt  
Biển Tạng thức thường trụ  
Gió cảnh giới làm động  
Rất nhiều các sóng thức  
Tung tóa mà chuyển sinh.*

Nghiệp gió cảnh giới, lay động sinh ra sóng thức, cho nên bảo là trôi.

“Theo bốn đại khởi”: là cõi hữu Sắc cõi. vô Sắc thì chẳng hiển rõ, nên lược bớt không nói. Lại nữa, Thân của Vua tức chính là bốn đại, nêu lên để khiến tỏ ngộ là không thật.

“Vô minh ái buộc”: Vô minh làm gốc, phát nghiệp thành sinh, do ái và vô minh tự trời buộc.

“Ngã, Ngã sở sinh”: Nghĩa là nương theo năm uẩn mà khởi ngã, ngã sở. Lại nữa, chấp năm uẩn làm ngã, chấp quốc gia thành trì mà chấp làm Ngã Sở, đều là do vô minh mà Khởi Kiến ấy.

Dưới đây là phần hai - Nói chung về vô ngã.

***Kinh:***

*Thức tùy nghiệp đời  
Thân tức vô chủ  
Nên biết quốc độ  
Huyễn hóa cũng vậy.*

Giải thích: “Thức tùy nghiệp đời”: nghĩa là tổng báo Thức tùy nghiệp sinh. Nghiệp không còn, nghiệp mới sắp thành thực, cho nên đời đổi đến cõi khác.

“Thân tức vô chủ”: Thân nghĩa là sự tương tục, tức là bốn đại. Thân chấp giữ thọ, thức thì đời đổi, tức là vô chủ. Lại nữa, chủ là chủ thể, tức là Ngã. Thức tùy theo Nghiệp mà đi. Thân thì vô ngã, ngã đã không có, nên ngã sở cũng không có. Vì Thân đã vô chủ, nên hai câu sau nói về không có Ngã Sở. Trước tiên là yêu thân, Thân đã vô Ngã, thì quốc độ, đất đai bên ngoài đều là huyễn hóa cũng vậy, nên biết trong và ngoài đều là vô Ngã. nghĩa là không hiểu được thân này là vô thường, Khổ, không, vô ngã, Ngã sở, thì vọng sinh yêu thương chấp trước tất cả mọi sợ hãi đều sinh ra. Nghe pháp hiểu rõ được không, thì còn có gì

đáng để sợ hãi.

Dưới đây là phần ba: Nghe pháp ngộ, hiểu. Trong đó chia làm ba phần: 1. Phổ Minh ngộ, hiểu; 2. Các vua Ngộ, hiểu; 3. Ban Túc Ngộ, hiểu.

Trong phần Phổ Minh Ngộ, hiểu, văn chia làm hai: 1. Phổ Minh Ngộ, hiểu; 2. Chuyển dạy các vua.

Trong phần một văn lại chia làm hai: 1. Phổ Minh ngộ, hiểu.

**Kinh:** Bấy giờ, khi pháp sư thuyết xong kệ đó, vua Phổ Minh nghe pháp ngộ hiểu chứng Tam muội không.

Giải thích: “Chứng Tam muội không”: Nếu chứng sinh không thì đắc sơ Quả. Bài kệ đã nói rõ hành của khổ-đế. Hoặc nghe pháp chứng không tức là Pháp không, theo lý thì đạt đến Sơ Địa.

Tiếp theo là phần hai - Quyển thuộc ngộ Không.

**Kinh:** Các quyển thuộc của vua, đắc pháp nhãn không.

Giải thích: “Đắc pháp nhãn không”: là như vua đã đắc.

Tiếp đến là phần hai - Chuyển dạy các vua. Trong đó chia làm ba phần: Dưới đây là phần một - Đến nước Thiên La.

**Kinh:** Cùng đi với vua đến nước Thiên La.

Giải thích: Những điều mong nguyện đã thỏa mãn, nghe pháp chứng không, sợ hãi đã không còn nữa, đi đến đúng theo lời hẹn.

Dưới đây là phần hai - Kết chỉ bày các vua.

**Kinh:** Ở trong chứng của các vua, nói: “Quý vị là những người sắp chết đến nơi”.

Giải thích: “Sắp chết đến nơi”: Là nêu lên chuyện sợ hãi để khiến họ phát tâm.

Tiếp theo là phần ba - Chuyển dạy Bát-nhã.

**Kinh:** Phải nên trì tụng kệ Bát-nhã Ba-la-mật-đa của Chư Phật thời quá khứ đã thuyết giảng.

Giải thích: Tức lấy bài kệ trên, bảo họ tụng trì.

Kế đến là phần hai - các vua ngộ hiểu.

**Kinh:** Các vua nghe xong, cũng đều ngộ hiểu, đắc Tam muội không, mọi người đều trì tụng.

Giải thích: Các vị vua đó, vì sợ hãi mà phát tâm, Nhân duyên đều tốt, Nghe pháp ngộ hiểu, như vua Phổ Minh. Cho nên lại bảo “Cũng đắc Tam muội không”, mỗi vị đều tụng trì.

Tiếp sau là phần ba - Ban Túc ngộ hiểu: Trong đó chia làm ba phần: 1. Vua Ban Túc hỏi; 2. Vua Phổ Minh đáp; 3. Ban Túc ngộ hiểu.

Dưới đây là phần một - Vua Ban Túc hỏi.

**Kinh:** Bấy giờ vua Ban Túc hỏi các vua: Các người ở đây đang tụng pháp gì?

Giải thích: Duyên của Ban Túc đã chín muồi, cho nên phát hỏi.

Dưới đây là phần hai - Vua Phổ minh đáp.

**Kinh:** Khi ấy vua Phổ Minh liền dùng kệ trên, đáp vua Ban Túc.

Giải thích: Như văn đã rõ. Tiếp theo là phần ba - Ban Túc Ngộ hiểu. Trong đó lại chia làm bốn phần: 1-Ban Túc ngộ hiểu.

**Kinh:** Vua nghe pháp ấy, cũng chứng định không.

Giải thích: Nghe pháp chứng hiểu, như các vua trên, nên bảo là “cũng”.

Tiếp theo là phần hai - Tổ hối hận về tà sư.

**Kinh:** Hoan hỷ tột cùng bảo các vua: Ta vì bị lầm, ngoại đạo tà sư, chẳng phải lỗi các ông.

Giải thích: Vui mừng chứng hiểu, hối hận lỗi trước.

Tiếp đến là phần ba - Bảo mọi người đều phụng trì.

**Kinh:** Các ông về nước, phải mời pháp sư, giải thuyết Ba-la-mật đà.

Giải thích: Bảo lưu bố rộng. Sau đây là phần bốn - Xuất gia đắc nhãn.

**Kinh:** Bấy giờ vua Ban Túc trao nước cho em, xuất gia vì đạo, vô Sinh Pháp nhãn.

Giải thích: “Vô Sinh Pháp nhãn”: Tức là nhãn thứ tư trong năm nhãn.

Bồ-tát hóa tích: Nghịch thuận thật khó lường được, hoặc vì hưởng dẫn quần mê mà hiện việc này. Sau đây là phần ba - Nêu rõ các vua.

**Kinh:** Đại vương! Quá khứ lại có năm ngàn Quốc vương, thường tụng kinh này, hiện đời được báo.

Giải thích: Thuyết quá khứ trước, thường tụng kinh ấy, đời này được báo. Tiếp theo là phần hai - Kết khuyên thọ trì. Trong đó chia làm hai phần: 1. Khuyên bảo thọ trì.

**Kinh:** Các ông, mười sáu vị vua nước lớn, tu pháp hộ quốc, sẽ phải như vậy, thọ trì đọc tụng, giải nói kinh này.

Giải thích: Trước đã dẫn các chuyện xưa, đây thì khuyên bảo tu pháp hộ quốc. Như trên đã rõ. Tiếp sau là phần hai - Khuyên đời sau thọ trì.

**Kinh:** Nếu đời vị lai, những vị Quốc vương, người muốn hộ quốc hay hộ thân mình, cũng nên như vậy, thọ trì, đọc tụng giải nói kinh này.



---

Giải thích: Răn bảo đời sau, hộ quốc cũng vậy. Sau đây là phần ba. Nghe pháp được ích.

**Kinh:** Khi thuyết giảng pháp ấy, vô lượng chúng cõi người đắc Bất thối chuyển, các A-tu-la được sinh lên Trời, vô lượng vô số chư thiên cõi trời thuộc Dục giới đắc vô sinh nhẫn.

Giải thích: “Đắc Bất thối”: Bất thối có bốn loại: Tín vị chứng hành, từ cạn đến sâu, tức là loại thứ nhất và thứ hai. A-tu-la và bảy bộ còn lại, được sinh lên cõi Trời, chư Thiên cõi Dục và cõi sắc, đắc vô sinh nhẫn. Tổ Thiên thai chú giải: Tức là Thập hạnh hoặc tức là Sơ Địa. Như kinh Đại phẩm nói: Bồ-tát Sơ Địa đắc vô sinh nhẫn.

-----